

*Bản án số: 37/2022/HSST
Ngày 13/07/2022*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG
Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Phúc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bút
2. Bà Lê Thị Hồng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Ly - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 13/07/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2022/HSST ngày 15/06/2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Hữu Q – Sinh ngày: 13/03/2001 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Tân H, thị trấn Tân Ph, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa. Số CCCD: 038201021152 cấp ngày 24/9/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Con ông Phạm Tuấn A (Còn sống) và bà Trương Thị Th (Còn sống). Bị cáo là con thứ 01 trong gia đình có 02 anh em.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 10/07/2020 bị Công an thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 53/2022/HSST – LCĐKNCT ngày 17/06/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1964. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, thành phố Đà Nẵng (Có đơn xét xử vắng mặt).

- Bà Đinh Thị Nh, sinh năm: 1971. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1982. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Bà Phan Thị L, sinh năm: 1974. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Bà Lê Thị Ph, sinh năm: 1971. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, thành

phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Bà Trần Thị T, sinh năm: 1971. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Bà Phan Thị S, sinh năm: 1963. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Bà Thái Thị G, sinh năm: 1999. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Quảng Bình (Vắng mặt).

- Ông Đoàn Th, sinh năm: 1955. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

- Ông Lê Bá Ph, sinh năm: 2002. Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2021, Phạm Hữu Q từ tỉnh Thanh Hóa đến thành phố Đà Nẵng thuê nhà sinh sống và hoạt động cho vay tiền lấy lãi suất cao với hình thức trả góp theo ngày. Quyền in thẻ Card ghi thông tin tên, số điện thoại và nội dung cho vay tiền rồi mang đến các chợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phân phát. Khi có người liên lạc đến số điện thoại 0908.891.132 của Quyền sử dụng hỏi vay tiền thì Q sẽ đến gặp trực tiếp. Sau khi, Q kiểm tra thông tin cá nhân, giấy tờ tùy thân và yêu cầu người vay tiền dẫn đến nhà cho Q biết chỗ ở thì Q sẽ đồng ý cho vay tiền. Trường hợp vay số tiền lớn thì Q sẽ yêu cầu người vay viết giấy để làm tin. Khi cho vay, Q tính lãi suất 1,2 %/ngày của khoản tiền vay rồi cộng tiền gốc và lãi lại chia cho 25 ngày, yêu cầu người vay phải trả góp liên tục trong vòng 25 ngày. Vào chiều ngày 20/11/2021, Phạm Hữu Q cùng với Lê Bá Ph đến khu vực chợ Túy Loan, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để thu tiền góp của những người vay tiền thì bị lực lượng Công an phát hiện mời về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra xác định được, Phạm Hữu Q đã cho nhiều người vay tiền, cụ thể như sau:

Người thứ nhất: Bà Đinh Thị Nh vay tiền của Quyền 08 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Mỗi lần Q cho bà Nh vay số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất là 1,2%/ngày, thỏa thuận mỗi ngày bà Nh phải trả số tiền là 250.000 đồng và trả liên tục trong vòng 25 ngày. Ngoài ra, mỗi lần cho vay Q còn thu của bà Nh số tiền là 250.000 đồng tiền phí vay, thực chất đây là tiền lãi mà Q muốn thu thêm khi cho bà Nh vay tiền. Cụ thể các lần vay như sau:

Lần 01: Vào ngày 02/3/2021, Q cho bà Nh vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 26/3/2021 thì bà Nh đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Nh đã trả cho Q số tiền: 6.500.000 đồng, trong đó: 5.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.500.000 đồng là tiền lãi. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 68.493,1507 đồng và số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Nh là: 1.431.506,85 đồng.

Lần 02: Vào ngày 27/3/2021, Q cho bà Nh vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 20/4/2021 thì bà Nh đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Nh đã trả cho Q số tiền 6.500.000 đồng, trong đó: 5.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.500.000 đồng là tiền lãi. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 68.493,1507 đồng và số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Nh là: 1.431.506,85 đồng.

Lần 03: Vào ngày 22/4/2021, Q cho bà Nh vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 16/5/2021 thì bà Nh đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Nh đã trả cho Q số tiền: 6.500.000 đồng, trong đó: 5.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.500.000 đồng là tiền lãi. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 68.493,1507 đồng và số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Nh là: 1.431.506,85 đồng.

Lần 04: Vào ngày 17/5/2021, Q cho bà Nh vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 10/6/2021 thì bà Nh đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Nh đã trả cho Q số tiền 6.500.000 đồng, trong đó: 5.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.500.000 đồng là tiền lãi. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 68.493,1507 đồng và số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Nh là: 1.431.506,85 đồng.

Lần 05: Vào ngày 10/6/2021, Q cho bà Nh vay số tiền: 5.000.000 đồng, đến ngày 04/7/2021 thì bà Nh đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Nh đã trả cho Q số tiền: 6.500.000 đồng, trong đó: 5.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.500.000 đồng là tiền lãi. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 68.493,1507 đồng và số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Nh là: 1.431.506,85 đồng.

Lần 06: Vào ngày 05/7/2021, Q cho bà Nh vay số tiền: 5.000.000 đồng, đến ngày 29/7/2021 thì bà Nh đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Nh đã trả cho Q số tiền 6.500.000 đồng, trong đó: 5.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.500.000 đồng là tiền lãi. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 68.493,1507 đồng và số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Nh là: 1.431.506,85 đồng.

Lần 07: Vào ngày 11/10/2021, Q cho bà Nh vay số tiền: 5.000.000 đồng, đến ngày 04/11/2021 thì bà Nh đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Nh đã trả cho Q số tiền: 6.500.000 đồng, trong đó: 5.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.500.000 đồng là tiền lãi. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định là 68.493,1507 đồng và số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Nh là: 1.431.506,85 đồng.

Lần 08: Vào ngày 12/11/2021, Q cho bà Nh vay số tiền: 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, lần này Q mới chỉ thu tiền góp của bà Nh đến ngày 20/11/2021 thì bị Công an phát hiện xử lý. Tổng cộng, Q đã thu của bà Nh được số tiền là: 2.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Phạm Hữu Q đã cho bà Đinh Thị Nh vay là: 40.000.000 đồng, tổng số tiền lãi vượt quá quy định mà Quyền đã thu là 10.020.549 đồng.

Người thứ hai: Bà Đặng Thị T vay tiền của Quyền 04 lần với tổng số tiền: 16.000.000 đồng. Mỗi lần bà T vay của Q số tiền: 4.000.000 đồng với lãi

suất 1,2%/ngày, thỏa thuận mỗi ngày bà T phải trả số tiền: 200.000 đồng và trả liên tục trong vòng 25 ngày. Ngoài ra, mỗi lần cho vay Q còn thu của bà T số tiền 200.000 đồng phí vay, cụ thể:

Lần 01: Vào ngày 17/3/2021, Q cho bà T vay số tiền: 4.000.000 đồng, đến ngày 10/4/2021 thì bà T đã trả xong. Tổng cộng, bà T đã trả cho Q số tiền 5.200.000 đồng, trong đó: 4.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.200.000 đồng là tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà T là: 1.145.206 đồng.

Lần 02: Vào ngày 19/4/2021, Q cho bà T vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 13/5/2021 thì bà T đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà T đã trả cho Q số tiền 5.200.000 đồng, trong đó: 4.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.200.000 đồng là tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà T là 1.145.206 đồng.

Lần 03: Vào ngày 08/6/2021, Q cho bà T vay số tiền 4.000.000 đồng, đến ngày 02/7/2021 thì bà T đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà T đã trả cho Q số tiền 5.200.000 đồng, trong đó: 4.000.000 đồng là tiền vay gốc, 1.200.000 đồng là tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà T là 1.145.206 đồng.

Lần 04: Vào ngày 02/11/2021, Q cho bà T vay số tiền 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, lần này Q mới chỉ thu tiền góp của bà T đến ngày 20/11/2021 thì bị Công an phát hiện xử lý. Tổng cộng, Q đã thu của bà T được số tiền là 4.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Hữu Q đã cho bà Đặng Thị T là 16.000.000 đồng, tổng số lãi vượt quá quy định thu được là 3.435.618 đồng.

Người thứ ba: Bà Phan Thị L vay tiền của Phạm Hữu Q 04 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Mỗi lần Q cho bà L vay số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất là 1,2%/ngày, thỏa thuận mỗi ngày bà L phải trả số tiền 500.000 đồng và trả liên tục trong vòng 25 ngày. Ngoài ra, mỗi lần cho vay Q còn thu của bà L số tiền 500.000 đồng phí vay, cụ thể:

Lần 01: Vào ngày 21/4/2021, Q cho bà L vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 15/5/2021 thì bà L đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà L đã trả cho Q số tiền 13.000.000 đồng, trong đó: 10.000.000 đồng tiền vay gốc, 3.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà L là: 2.863.014 đồng.

Lần 02: Vào ngày 18/5/2021, Q cho bà L vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 11/6/2021 thì bà L đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà L đã trả cho Q số tiền 13.000.000 đồng, trong đó: 10.000.000 đồng là tiền vay gốc, 3.000.000 đồng là tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà L là: 2.863.014 đồng.

Lần 03: Vào ngày 17/6/2021, Q cho bà L vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 11/7/2021 thì bà L đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà L đã trả cho Q số tiền 13.000.000 đồng, trong đó: 10.000.000 đồng là tiền vay gốc, 3.000.000 đồng là tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà L là: 2.863.014 đồng.

Lần 04: Vào ngày 27/7/2021, Q cho bà L vay số tiền 10.000.000 đồng. Lần này, Q mới thu tiền góp của bà L đến ngày 31/7/2021 được số tiền là

2.500.000 đồng, do dịch bệnh Covid – 19 nên Q không thể tiếp tục thu tiền góp của bà L được. Đến ngày 01/10/2021, Q bắt đầu thu tiền của L trở lại nhưng số tiền mỗi ngày bà L góp ít hơn so với thỏa thuận. Tính đến ngày 20/11/2021, Q đã thu của bà L được số tiền là 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Hữu Q đã cho bà L vay là 40.000.000 đồng, tổng số tiền lãi vượt quá quy định thu được là 8.589.042 đồng.

Người thứ tư: Bà Lê Thị Ph vay tiền của Q 04 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng. Mỗi lần Q cho bà Ph vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 1,2%/ngày, thỏa thuận mỗi ngày bà Ph phải trả số tiền là 500.000 đồng và trả liên tục trong vòng 25 ngày. Ngoài ra, mỗi lần cho vay Q còn thu 500.000 đồng phí vay.

Lần 01: Vào ngày 30/3/2021, Q cho bà Ph vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 23/4/2021 thì bà Ph đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Ph đã trả cho Q số tiền 13.000.000 đồng, trong đó: 10.000.000 đồng là tiền vay gốc, 3.000.000 đồng là tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Ph là 2.863.014 đồng.

Lần 02: vào ngày 29/4/2021, Q cho bà Ph vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 23/5/2021 thì bà Ph đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Ph đã trả cho Q số tiền 13.000.000 đồng, trong đó: 10.000.000 đồng là tiền vay gốc, 3.000.000 đồng là tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Ph là: 2.863.014 đồng.

Lần 03: Vào ngày 31/5/2021, Q cho bà Ph vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 24/6/2021 thì bà Ph đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà Ph đã trả cho Q số tiền 13.000.000 đồng, trong đó: 10.000.000 đồng là tiền vay gốc, 3.000.000 đồng là tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Ph là: 2.863.014 đồng.

Lần 04: vào ngày 03/7/2021, Q cho bà Ph vay số tiền 10.000.000 đồng. Lần này, Q mới thu tiền góp của bà Ph đến ngày 12/7/2021 được số tiền 5.000.000 đồng, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid – 19 nên bà Ph không thể tiếp tục trả tiền cho Q được. Đến ngày 20/10/2021, bà Ph trả thêm cho Q số tiền 4.000.000 đồng. Tính đến ngày 20/11/2021 thì Q đã thu của bà Ph được số tiền là 9.500.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng Q đã cho bà Ph vay số tiền 40.000.000 đồng, thu được số tiền lãi vượt quá quy định là 8.589.042 đồng.

Trong quá trình điều tra, bà Lê Thị Ph trình bày từ tháng 7/2020 đến tháng 7/2021 đã vay tiền của Q 12 lần với tổng số tiền là: 95.000.000 đồng. Tuy nhiên, Phạm Hữu Q khai nhận chỉ bắt đầu dùng tiền của mình cho bà Ph vay tiền từ năm 2021 tổng cộng 04 lần với tổng số tiền là: 40.000.000 đồng như trên. Đối với số tiền mà bà Ph khai vay của Q trong năm 2020 là của nam thanh niên tên Hùng (không rõ nhân thân, lai lịch). Trước đây, Hùng bỏ tiền ra cho nhiều người vay tiền trả góp theo ngày, trong đó có bà Ph rồi thuê Q đi thu tiền góp hằng ngày của người vay. Do thời gian đã lâu nên Q không xác định được H đã cho bà Ph vay tiền bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền và thu tiền lãi cụ thể bao nhiêu.

Người thứ năm: Bà Trần Thị T vay tiền của Q 02 lần vào các ngày 21/10/2021, 22/10/2021 với số tiền lần lượt là 70.000.000 đồng và 10.000.000

đồng với lãi suất 1,2%/ngày. Do hai khoản vay này sát nhau nên Q và bà T thỏa thuận cộng hai khoản này lại, mỗi ngày bà T trả cho Q số tiền là 4.000.000 đồng và trả liên tục trong vòng 25 ngày. Khi cho vay, Q còn thu của bà T số tiền 4.000.000 đồng phí vay. Tuy nhiên, trong quá trình vay đến ngày 03/11/2021, tức chỉ trong 14 ngày vay trả góp, bà T đã trả hết số tiền đã vay cho Q. Tổng số tiền Phạm Hữu Q đã thu của bà T là 97.000.000 đồng, gồm 80.000.000 đồng tiền vay gốc và 17.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, thực tế trong vòng 14 ngày vay, Q đã thu lãi suất 1,51785714 %/ ngày của bà T.

Tổng số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà Tới là 16.386.302 đồng.

Người thứ sáu: Bà Nguyễn Thị Ánh T vay tiền của Q 04 lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng với lãi suất là 1,2%/ngày. Mỗi lần cho vay, Q đều thu của bà T một khoản tiền tương ứng với 05% của khoản vay mà Q gọi là phí vay, thực chất đây là tiền lãi, hình thức trả nợ là trả góp liên tục trong vòng 25 ngày, cụ thể:

Lần 01: Vào ngày 03/7/2021, Q cho bà T vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp liên tục trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp số tiền là 500.000 đồng, tiền phí vay là 500.000 đồng. Đến ngày 27/7/2021, bà T đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà T đã trả cho Q số tiền 13.000.000 đồng, trong đó: 10.000.000 đồng tiền vay gốc, 3.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà T là 2.863.014 đồng.

Lần 02: Vào ngày 21/9/2021, Q cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp liên tục trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp số tiền là 1.000.000 đồng, tiền phí vay là 1.000.000 đồng. Đến ngày 15/10/2021 bà T đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà T đã trả cho Q số tiền 26.000.000 đồng, trong đó: 20.000.000 đồng tiền vay gốc, 6.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà T là 5.726.028 đồng.

Lần 03: Vào ngày 15/10/2021, Q cho bà Tuyết vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp liên tục trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp số tiền là 1.000.000 đồng, tiền phí vay là 1.000.000 đồng. Đến ngày 08/11/2021 bà T đã trả nợ cho Q xong. Tổng cộng, bà T đã trả cho Q số tiền 26.000.000 đồng, trong đó: 20.000.000 đồng tiền vay gốc, 6.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Q đã thu của bà T là 5.726.028 đồng.

Lần 04: Vào ngày 08/11/2021, Q cho bà T vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp liên tục trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp số tiền là 2.000.000 đồng, tiền phí vay là 2.000.000 đồng. Lần này, Q thu tiền của bà T đến ngày 16/11/2021 được số tiền 18.000.000 đồng thì bà T không trả được nữa. Sau đó, bà T thấy việc Q cho vay tiền lãi suất quá cao nên đã đến Công an trình báo sự việc. Đến nay, Q đã thu được của bà T số tiền là 20.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Q đã cho bà T vay là 90.000.000 đồng, thu được số tiền lãi vượt quá quy định 14.315.070 đồng.

Người thứ bảy: Bà Phan Thị S vào ngày 22/6/2021 Phạm Hữu Q cho bà S vay số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất là 1,2%/ngày, thỏa thuận trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp số tiền là 200.000 đồng. Khi cho vay, Q còn thu của bà S số tiền 200.000 đồng phí vay. Quyền thu tiền của bà S đến ngày

09/7/2021 được số tiền là 3.500.000 đồng, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 nên bà S không thể trả nợ cho Q được nữa. Đến nay, Q đã thu của bà S được số tiền là 3.700.000 đồng.

Người thứ tám: Bé Lùn (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) vay tiền của Q 01 lần vào ngày 06/7/2021, Q cho bé Lùn vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 1,2%/ngày, thỏa thuận trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp số tiền là 250.000 đồng. Khi cho vay, Q còn thu của bé Lùn số tiền 250.000 đồng phí vay. Q thu tiền của bé Lùn đến ngày 14/7/2021 được số tiền là 2.250.000 đồng thì bé Lùn không trả nợ cho Q nữa. Đến nay, Q chỉ thu của bé Lùn được số tiền 2.500.000 đồng.

Tang tài vật tạm giữ:

Tạm giữ của Phạm Hữu Quyền:

- Xe mô tô Yamaha Sirius, số máy: E3T6E252404, số khung: 1710HY173357, biển kiểm soát 43C1- 689.50.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, số IMEI 352051694247278, gắn sim số 0778.326.296.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, gắn thẻ sim số 0908.891.132.

- 08 tờ giấy A4, bên trong ghi chú thông tin việc cho người khác vay tiền.

- Số tiền Việt Nam 10.500.000 đồng

Tạm giữ của Lê Bá Ph:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng, gắn thẻ sim số 0377.488.183.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, gắn thẻ sim số 0942.929.015.

Tại bản cáo trạng số 41/CT - VKS ngày 14/06/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phạm Hữu Q về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Phạm Hữu Q từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Hữu Q từ: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp:

Tổng các lần cho vay, số tiền gốc bị cáo bỏ ra là 315.000.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Q phải nộp lại số tiền: 315.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Số tiền lãi tương ứng 20%/năm của tất cả các giao dịch là: 2.764.378 đồng. Số tiền này là phát sinh từ tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thông qua tất cả các lần cho vay tổng cộng là: 61.335.623 đồng. Số tiền này đề nghị hội đồng xét xử cần buộc bị cáo Q phải trả lại cho những người đi vay, cụ thể: Trả lại cho bà Đinh Thị Nh số tiền: 10.020.549 đồng; bà Đặng Thị T số tiền: 3.435.618 đồng; bà Phan Thị L số tiền: 8.589.042 đồng; bà Lê Thị Ph số tiền: 8.589.042 đồng; bà Trần Thị T số tiền 16.386.302 đồng; bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền: 14.315.070 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với 01 Xe mô tô Yamaha Sirius, số máy: E3T6E252404, số khung: 1710HY173357, biển kiểm soát 43C1- 689.50; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, gắn thẻ sim số 0908.891.132.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên lưu trữ trong hồ sơ vụ án đối với 08 tờ giấy A4, bên trong ghi chú thông tin việc cho người khác vay tiền.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên sung công quỹ nhà nước số tiền 10.500.000 đồng thu giữ của bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Hữu Q đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã đề cập. Bị cáo không có ý kiến về mặt tội danh cũng như điều luật mà đại diện Viện kiểm sát truy tố và đề nghị áp dụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người đã tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Phạm Hữu Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/3/2021 đến ngày 20/11/2021, trên địa bàn huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng, bị cáo Phạm Hữu Q đã có hành vi cho nhiều người gồm: Đinh Thị Nh, Đặng Thị T, Phan Thị L, Lê Thị Ph, Nguyễn Thị Ánh

T, Phan Thị S và người tên bé Lùn vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhiều lần với lãi suất là 1,2%/ngày, tương ứng với lãi suất 438%/năm của khoản vay. Riêng bà Trần Thị T mặc dù thỏa thuận ban đầu vay với lãi suất 1,2%/ngày, tuy nhiên do bà S trả góp hết nợ trước hạn nên thực tế Q đã thu lãi suất là 1,51785714 %/ ngày, tương ứng với lãi suất 554,017857%/năm của khoản. Tổng số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự mà Quyền đã thu được từ việc cho những người trên vay là: 61.335.623 đồng.

Như vậy, hành vi phạm tội này của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như cáo trạng số: 41/CT - VKS ngày 14/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý tài chính. Mức lãi suất bị cáo cho vay cao gấp hàng chục lần so với mức lãi suất tối đa Ngân hàng Nhà nước quy định. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy gây ra những hệ lụy nhất định cho xã hội, song xét bản chất các giao dịch cũng dựa trên sự đồng ý của người vay, phần lớn các giao dịch đều xuất phát từ đề nghị của người vay. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, đối với loại tội phạm này, ngoài việc chịu chế tài hình sự, bị cáo còn phải bị áp dụng các biện pháp tư pháp, thu toàn bộ tiền bỏ ra cho vay để sung công quỹ Nhà nước đồng thời buộc trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho người vay. Do đó khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết này để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Xét thấy, sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, có nơi thường trú ổn định và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ, giao về địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần xử phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Hữu Q.

[7] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đối với số tiền lãi mà Phạm Hữu Q đã thu vượt quá quy định của những người vay, bà Nguyễn Thị Ánh T yêu cầu trả lại 12.000.000 đồng, bà Lê Thị Ph yêu cầu trả lại 10.000.000 đồng, bà Trần Thị T yêu cầu trả lại 10.000.000 đồng, bà Phan Thị L yêu cầu trả lại 5.000.000 đồng. Riêng bà Phan Thị S, Đinh Thị Nh và Đặng Thị T không yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là người vay tiền của bị cáo có đầy đủ nhân thân, địa chỉ, có lời khai

trong hồ sơ vụ án, qua đối chiếu lời khai với các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nhau.

Đối với những trường hợp người vay tiền đã trả số tiền vay theo như thỏa thuận với bị cáo, những trường hợp này Hội đồng xét xử căn cứ vào số tiền thu lợi bất chính (số tiền vượt quá mức 20%/năm) đối với từng khoản vay, từng lần vay để tuyên buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính tương ứng cho từng người vay. Số tiền gốc cho vay là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước; Số tiền lãi trong phạm vi 20%/năm là lãi suất được pháp luật thừa nhận nhưng xét đây là tiền phát sinh từ tội phạm nên cũng cần bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về biện pháp tư pháp:

[8.1] Tổng các lần cho vay, số tiền gốc bị cáo bỏ ra là 315.000.000 đồng. Do đó cần buộc bị cáo Q phải nộp lại số tiền 315.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

[8.2] Số tiền lãi tương ứng 20%/năm của tất cả các giao dịch là: 2.764.378 đồng. Số tiền này là phát sinh từ tội phạm nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8.3] Đối với số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thông qua tất cả các lần cho vay tổng cộng là 61.335.623 đồng. Số tiền này cần buộc bị cáo Q phải trả lại cho những người đi vay, cụ thể: Trả lại cho bà Đinh Thị Nh số tiền: 10.020.549 đồng; bà Đặng Thị T số tiền: 3.435.618 đồng; bà Phan Thị L số tiền: 8.589.042 đồng; bà Lê Thị Ph số tiền: 8.589.042 đồng; bà Trần Thị T số tiền 16.386.302 đồng; bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền: 14.315.070 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 Xe mô tô Yamaha Sirius, số máy: E3T6E252404, số khung: 1710HY173357, biển kiểm soát 43C1- 689.50; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, gắn thẻ sim số 0908.891.132. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh việc bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, số IMEI 352051694247278, gắn sim số 0778.326.296. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bạn gái Q là bà Thái Thị G cho Q mượn sử dụng, bà G không biết Q sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Thái Thị G là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng, gắn thẻ sim số 0377.488.183 và một điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, gắn thẻ sim số 0942.929.015 thu giữ của ông Lê Bá Ph. Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh được ông Ph không liên quan, không biết hành vi phạm tội của bị cáo Q nên việc Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Lê Bá Ph là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 08 tờ giấy A4, bên trong ghi chú thông tin việc cho người khác vay tiền. Xét thấy, đây là chứng cứ phạm tội của bị cáo. Do đó, cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Số tiền Việt Nam 10.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Q. Xét thấy, đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội của bị cáo nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[10] Đối với các vấn đề khác:

Đối với Lê Bá Ph, vào ngày 20/11/2021 có đi cùng với Phạm Hữu Q đến khu vực chợ Túy Loan thuộc xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Tuy nhiên, Ph vừa đến Đà Nẵng vào chiều ngày 19/11/2021 thì vào ngày 20/11/2021, Q rủ đi chơi cùng và không biết việc Q cho vay lãi nặng rồi đi thu tiền góp hằng ngày. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với việc bà Lê Thị Ph trình bày vay tiền của Phạm Hữu Q 12 lần với tổng số tiền là 95.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định được, Q chỉ sử dụng tiền của mình để cho bà Ph vay tiền 04 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Ph không có chứng cứ gì chứng minh ngoài 04 lần vay của Q đã được làm rõ thì bà còn vay 08 lần khác của bị cáo Q. Do đó, không có cơ sở để buộc tội bị cáo Q đã cho bà Ph vay 12 lần với tổng số tiền là 95.000.000 đồng như bà Ph trình bày.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Q khai đối với số tiền mà bà Ph đã vay trước đó là của nam thanh niên tên Hùng (*không rõ nhân thân, lai lịch*) cho vay rồi thuê Q hằng ngày đi thu tiền góp của người vay và trả công theo từng tháng. Hiện nay, chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Hùng nên chưa đủ căn cứ để xác định H đã cho bà Ph vay tiền bao nhiêu lần, lãi suất và số tiền lãi cụ thể bao nhiêu. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với Thái Thị G có hành vi cho Phạm Hữu Q mượn một điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, số IMEI 352051694247278 để sử dụng do điện thoại của Q bị hỏng. Sau đó, Q đã dùng điện thoại của chị G để lưu giữ hình ảnh của một số người vay tiền nhưng chị G không biết việc Q cho người khác vay tiền thu lãi suất cao nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với người tên bé Lùn đã vay tiền của Q 01 lần nhưng đến nay vẫn chưa trả xong hiện không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với một số người khác tại TP.Đà Nẵng vay tiền của Q với lãi suất cao hiện chưa xác minh được lai lịch cụ thể, không xác định được số tiền vay nên không có cơ sở để xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Phạm Hữu Q phải chịu: 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hữu Q phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu Q 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Hữu Q về Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa để giám sát giáo dục. Gia đình của bị cáo Phạm Hữu Quyền có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát, giáo dục Phạm Hữu Quyền. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Phạm Hữu Q không bị khấu trừ thu nhập để sung công quỹ nhà nước nhưng phải thực hiện những nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Hữu Q số tiền: 50.000.000 đồng.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự

- Buộc các bị cáo Phạm Hữu Q phải nộp số tiền: 315.000.000 đồng đồng là phương tiện phạm tội để sung công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Hữu Q nộp lại số tiền: 2.764.378 đồng (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Hữu Q trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sau: Trả lại cho bà Đinh Thị Nh số tiền: 10.020.549 đồng; bà Đặng Thị T số tiền: 3.435.618 đồng; bà Phan Thị L số tiền: 8.589.042 đồng; bà Lê Thị Ph số tiền: 8.589.042 đồng; bà Trần Thị T số tiền: 16.386.302 đồng; bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền: 14.315.070 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với 01 Xe mô tô Yamaha Sirius, số máy: E3T6E252404, số khung: 1710HY173357, biển kiểm soát 43C1-689.50; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, gắn thẻ sim số 0908.891.132 thu giữ của bị cáo Phạm Hữu Q.

- Lưu trữ trong hồ sơ vụ án đối với 08 tờ giấy A4, bên trong ghi chú thông tin việc cho người khác vay tiền.

Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/06/2022.

- Sung công quỹ nhà nước số tiền: 10.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Hữu Quyền theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 30/05/2022, số tài khoản: 39490904162300000 của Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Hữu Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trích sao bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Tòa án TP Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Công an huyện Hòa Vang
- PHSNV công an huyện Hòa Vang;
- Chi cục THA huyện Hòa Vang
- Những người Tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Huỳnh Thanh Trà

Nguyễn Văn Sanh

Trương Thanh Phúc

Nơi nhận
THẨM

- *Tòa án TP Đà Nẵng;*
- *VKSND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Công an quận Hải Châu*
- *PHSNV công an quận Hải Châu;*
- *Chi cục THA quận. Hải Châu*
- *Những người Tham gia tố tụng*
- *Lưu hồ sơ*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Thanh Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Huỳnh Thanh Trà

Nguyễn Văn Sanh

Trương Thanh Phúc

Nơi nhận

THẨM

- Tòa án TP Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu
- PHSNV công an quận Hải Châu;
- Chi cục THA quận. Hải Châu
- Những người Tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Thanh Phúc

